

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-3-2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Lãm

2. Ông Nguyễn Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn BT 1, xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

* *Bị đơn:* Ông Bùi Văn N, sinh năm 1980 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn BL, xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Bùi Văn N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 29/7/2005. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã. Cả hai đã sống ly

thân từ năm 2013 cho đến nay. Bà H xác định không còn tình cảm với ông N, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N. Về con chung: Bà H và ông N có 03 người con chung là Bùi Đức D, sinh ngày 01/01/2003; Bùi Quốc Kh, sinh ngày 01/12/2005; Bùi Đức Tr, sinh ngày 04/5/2015. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi hai con chung là cháu Kh và Tr; còn đối với cháu D đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Bùi Văn N:*

Tại bản tự khai ngày 16/7/2021 ông N trình bày: Ông N và bà H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 29/7/2005. Trong quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau hay cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 đến nay. Ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nên đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: có 03 người con chung là Bùi Đức D, sinh ngày 01/01/2003; Bùi Quốc Kh, sinh ngày 01/12/2005; Bùi Đức Tr, sinh ngày 04/5/2015. Khi ly hôn, ông N đồng ý để bà H nuôi hai con chung là cháu Kh và Tr; còn đối với cháu D đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập như sau:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về thụ lý, phân công thẩm phán; xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; thủ tục công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 39, 68, 93, 97, 195, 196, 197, 205, 208, 209 của BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Căn cứ các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 38, 51, 56, 58, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn cho bà H được ly hôn với ông N; giao 02 người con chung là Bùi Quốc Kh và Bùi Quốc Tr cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về “Ly hôn”, do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn ông Bùi Văn N có hội khẩu thường trú và nơi cư trú tại Thôn BL, xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và bị đơn ông Bùi Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H với ông N

[3]. Về nội dung tranh chấp:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Bùi Văn N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 29/7/2005. Như vậy hôn nhân giữa bà H và ông N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình

Bà H có yêu cầu được ly hôn với lý do hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã nhau, vợ chồng ly thân, hai bên không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được. Vì vậy, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của bà H được ly hôn với ông N là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Bà H và ông N có 03 người con chung là Bùi Đức D, sinh ngày 01/01/2003; Bùi Quốc Kh, sinh ngày 01/12/2005; Bùi Đức Tr, sinh ngày 04/5/2015. Khi ly hôn bà H có yêu cầu được nuôi hai con chung là Bùi Quốc Kh; Bùi Đức Tr. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Kh có nguyện vọng được ở với mẹ, ông N cũng đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng. Xét thấy yêu cầu được nuôi con chung của bà H là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với cháu Bùi Đức D đã trưởng thành, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điểm b, khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; các điều 57, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn ông Bùi Văn N

Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao 02 người con chung là Bùi Quốc Kh, sinh ngày 01/12/2005; Bùi Đức Tr, sinh ngày 04/5/2015 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu. .

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu

1.4. Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Mũ H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007646 ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- UBND xã PM;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết